TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2023/QĐST-DS	

Trảng Bàng, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông V. V. L, sinh năm 1978; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: Số 85, Đường T1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà P. T. T. H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông V. V. T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 85, Đường T1, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông P. C. B, sinh năm 1954, địa chỉ: khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà B. T. Y, sinh năm 1961; khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của chị Hiền, ông Bình, bà Yến:* Ông T. T. T, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố C, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022 và văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023).

- *Người đại diện hợp pháp của ông Tùng:* Ông N. H. D, sinh năm 1970; địa chỉ: 123, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông V. V. L và bà P. T. T. H thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau:

- Bà P. T. T. H được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Căn nhà mái thái, tường xây tô, nền gạch men, cửa khung sắt có diện tích (08m x 10m) + (1,8m x 2,7m); 01 gác lửng trong nhà có diện tích 03m x 04m; 01 hàng rào hướng Tây xây gạch, không tô có chiều dài 24,5m, cao 03m; 01 hàng rào hướng Đông lưới B40 cao 1,7m, chân xây gạch tô 0,5m có chiều dài 78m; 01 hàng rào hướng Bắc lưới B40 cao 1,7m, chân xây gạch tô 0,5m có chiều dài 24m; 01 cửa cổng khung sắt có mái che dài 3,3m, cao 03m; 01 cửa cổng khung sắt có mái che dài 1,3m, cao 03m; 01 hàng rào hướng Nam khung sắt cao 2,5m, dài 10,4m, chân xây gạch tô 01m; 01 mái tole nền gạch vỉa hè có diện tích 5,5m x 04m; 01 sân gạch vỉa hè có diện tích (2,2m x 3,7m) + (0,8m x 9,2m) + (02m x 1,6m) + (1,2m x 10,5m) + (31m x 3m) + 07m x 05m) = 62,1m^2; 01 sân gạch men có diện tích (10,4m x 03m) + (3,2m x 02m), tổng diện tích 37,6m^2. Toàn bộ các tài sản trên được xây dựng trên một phần thửa đất số 0001, tờ bản đồ số 0016 (BĐ 2000) chuyển sang bản đồ lưới 2005 thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại khu phố Hòa Hưng, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01311QSDĐ/223/2004/QĐ-CT(HL) do UBND huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp ngày 17/7/2004 do ông P. C. B đứng tên (ông P. C. B là cha ruột của chị P. T. T. H). Tổng tài sản chung trị giá 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng.

- Bà P. T. T. H có nghĩa vụ thanh toán cho ông V. V. L số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Thời gian thanh toán là ngày 01/9/2023 (dương lịch).

2.2. Bà P. T. T. H có nghĩa vụ trả cho ông V. V. T số tiền 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng. Thời gian trả tiền là ngày 01/9/2023 (dương lịch).

Ghi nhận ông Tùng không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ghi nhận ông L đã nộp xong chi phí tố tụng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà P. T. T. H phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng án phí chia tài sản chung và 2.625.000 (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông V. V. T. Tổng cộng, bà P. T. T. H phải chịu 9.625.000 (chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông V. V. L phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0026809 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho ông L 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

4.3. Hoàn trả cho ông V. V. T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026810 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Yến